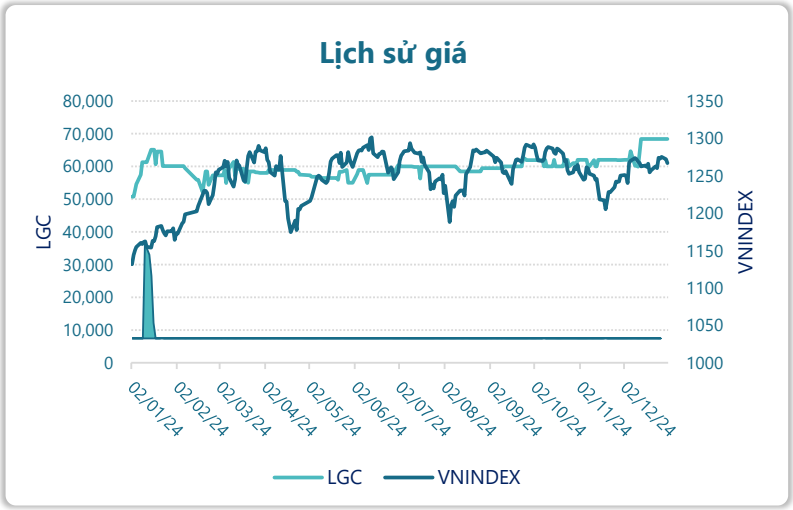
FireAnt

CTCP Đầu tư Cầu đường CII (HSX: LGC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**68,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	68,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	50,759
SL cổ phiếu LH	192,854,765
KLGD BQ 20 phiên (CP)	290,295
% sở hữu nước ngoài	45.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,191
P/E	24.8
EPS	2,759

DT thuần

Q4/24

615

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0| 1.8%

YoY: ▲ 35.0| 6.0%

LN sau thuế

Q4/24

152

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0| 8.0%

YoY: ▼396| -72.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

73.2%

+/- YoY: ▼ 8.8%

DT thuần

2024

2,504

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 907| 56.8%

LN sau thuế

2024

792

tỷ VNĐ

YoY: ▼135| -14.6%

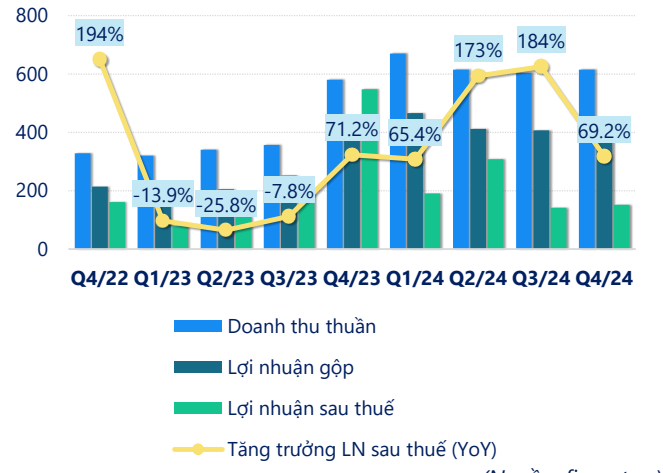
ROE

2024

9.8%

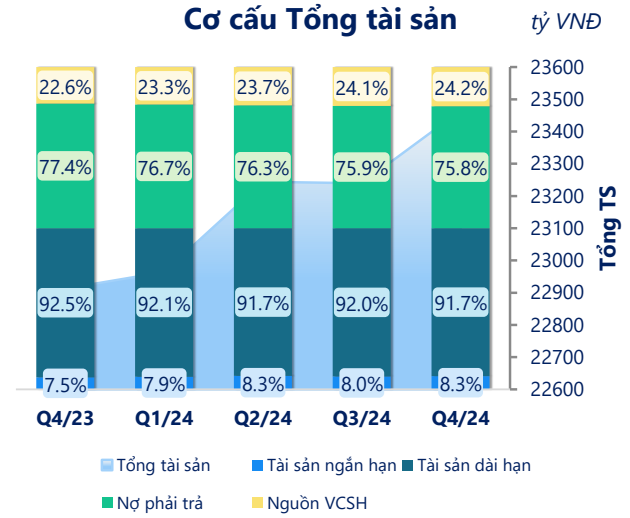
+/- YoY: ▼ 4.0%

Kết quả kinh doanh



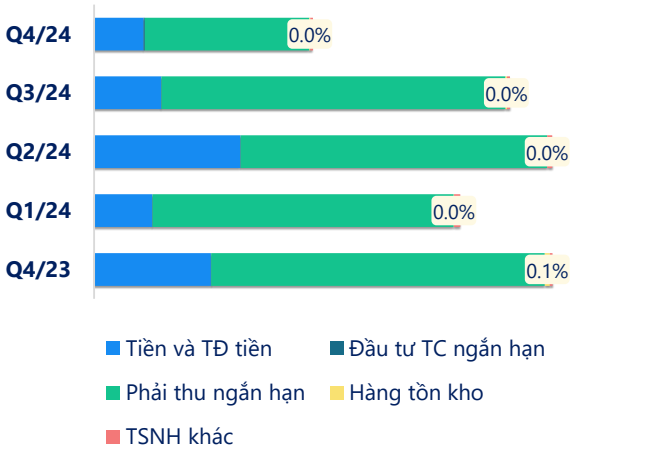
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



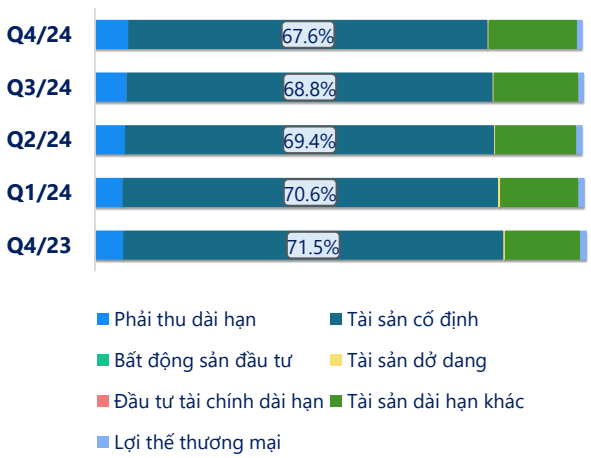
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



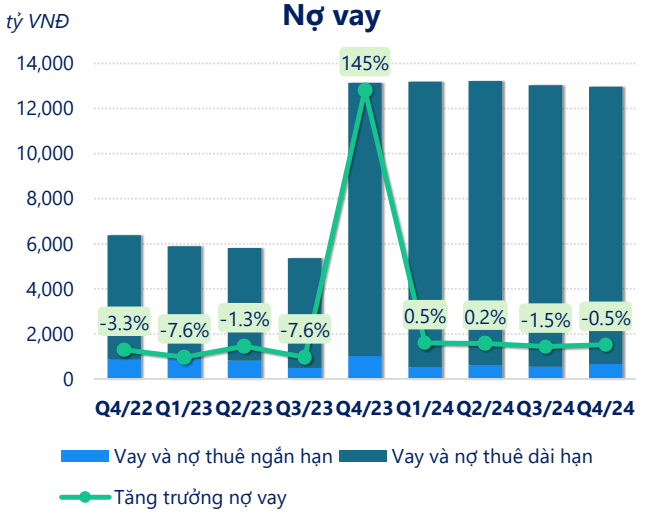
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



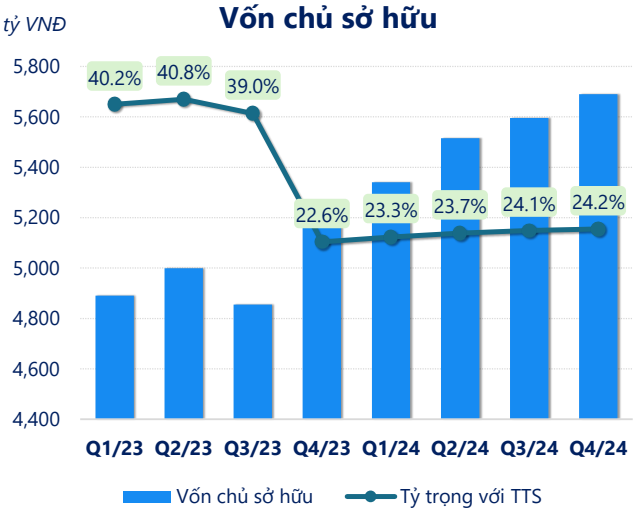
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



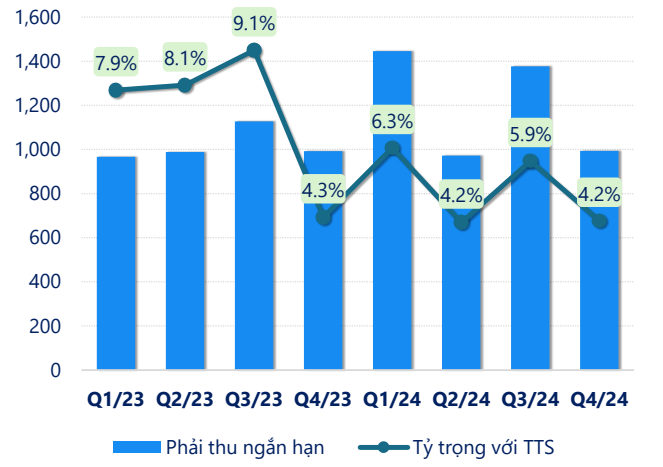
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



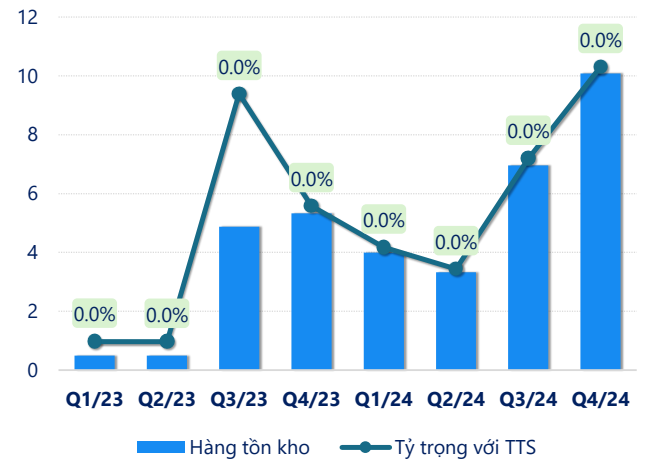
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



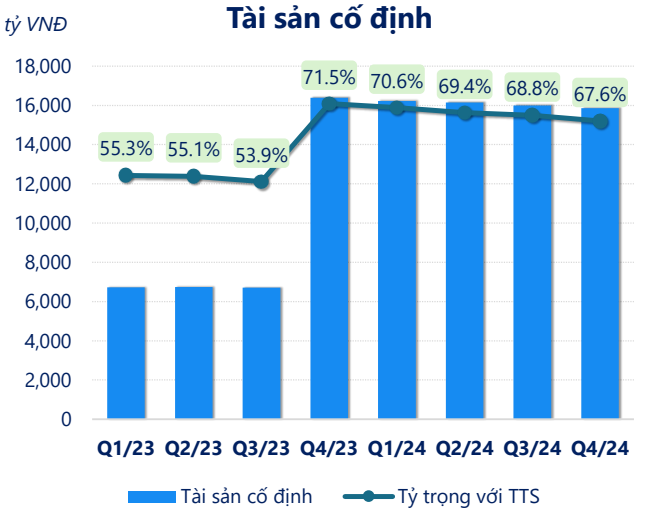
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



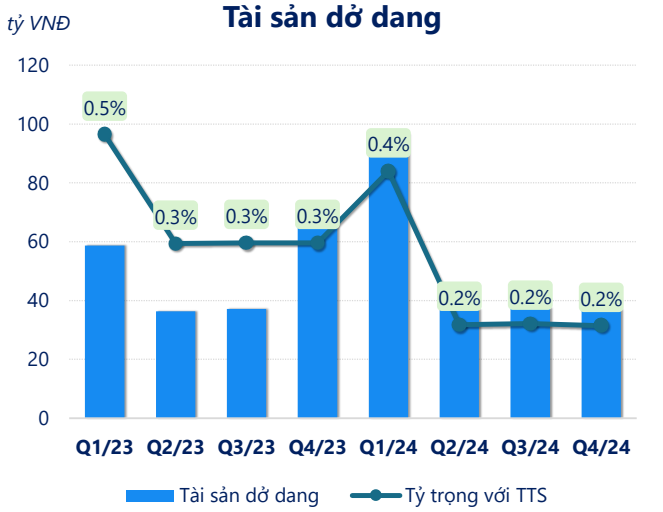
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



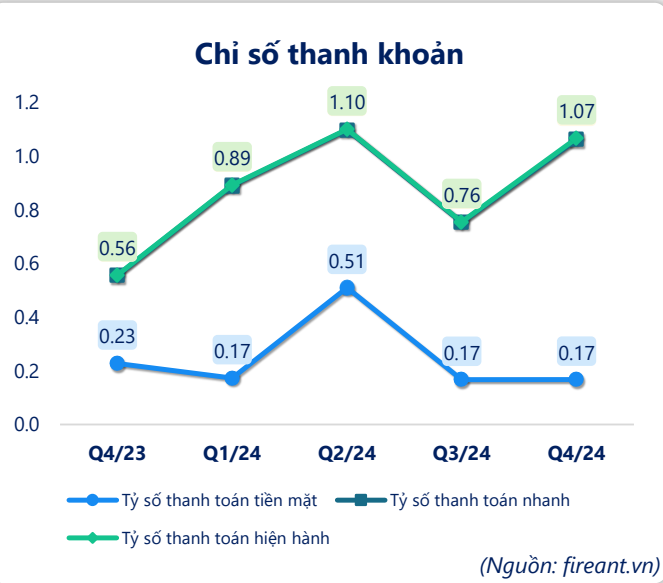
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



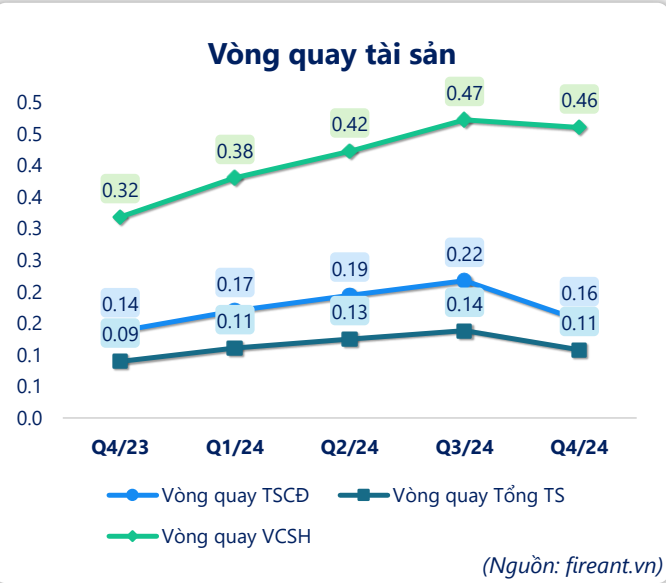
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**22,913**	**22,964**	**23,244**	**23,240**	**23,465**
Tài sản ngắn hạn	**1,727**	**1,816**	**1,934**	**1,857**	**1,944**
Tiền và tương đương tiền	705	352	896	411	305
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.60	0.64	50.6	50.6	624
Phải thu ngắn hạn	993	1,446	972	1,377	993
Hàng tồn kho	5.33	3.99	3.33	6.96	10.1
Tài sản ngắn hạn khác	15.9	13.2	11.9	11.0	11.2
Tài sản dài hạn	**21,186**	**21,148**	**21,310**	**21,383**	**21,521**
Phải thu dài hạn	1,213	1,186	1,312	1,390	1,470
Tài sản cố định	16,387	16,218	16,140	15,996	15,864
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	68.3	96.4	37.0	37.4	36.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3,239	3,376	3,559	3,706	3,904
Lợi thế thương mại	280	271	263	254	246
Nợ phải trả	**17,730**	**17,624**	**17,729**	**17,644**	**17,775**
Nợ ngắn hạn	**3,099**	**2,036**	**1,758**	**2,458**	**1,823**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,015	510	600	535	666
Phải trả người bán ngắn hạn	623	501	356	354	391
Nợ dài hạn	14,631	15,588	15,971	15,186	15,952
Vay và nợ thuê dài hạn	12,122	12,687	12,622	12,493	12,302
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,183**	**5,341**	**5,515**	**5,596**	**5,690**
Vốn chủ sở hữu	**5,183**	**5,341**	**5,515**	**5,596**	**5,690**
Vốn điều lệ	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)